TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày 16 – 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Prúi Kpă, ông Ksơr Y Nai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Trọng Q, sinh năm 1975, tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 7A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan B (Chết) và bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1931; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 và 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001. Tiền án: Bản án số 61/2017/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội đánh bạc, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm 06 tháng. Ngày 07 tháng 10 năm 2017, nộp án phí. Ngày 04 tháng 02 năm 2019, chấp hành xong hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo; Bản án số 31/2020/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, xử phạt 32 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 06 tháng 8 năm 2020, nộp án phí. Ngày 15 tháng 4 năm 2022, chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024. Hiện tại ngoại, có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú:

Thôn 7A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1943 và bà Đặng Thị M (Chết); có vợ là Huỳnh Thị Minh N, sinh năm 1980 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024. Hiện tại ngoại, có mặt.

3. Họ và tên: Trần Xuân T, sinh năm 1987, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân M, sinh năm 1959 và bà Trần Thị M, sinh năm 1963; Có vợ là Trần Thị N, sinh năm 1990 và 01 con, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024. Hiện tại ngoại, có mặt.

4. Họ và tên: Ngô Mạnh H, sinh năm 1993, tại tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hồng N (Chết) và bà Đoàn Thị D, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024. Hiện tại ngoại, có mặt.

5. Họ và tên: Võ Thanh C, sinh năm 1965, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn 7A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ L (Chết) và bà Nguyễn Thị S (Chết); Có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1978 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 08 tháng 3 năm 2017, bị Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 7.500.000đ về hành vi vận chuyển lâm sản (Gỗ) trái phép. Ngày 13 tháng 3 năm 2017, đã nộp phạt. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024. Hiện tại ngoại, có mặt.

6. Họ và tên: Đoàn Thị D, sinh năm 1969, tại tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Công C (Chết) và bà Đặng Thị C (Chết); Có chồng là Ngô Hồng N (Chết) và 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024. Hiện tại ngoại, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Bế Quang H (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại nhà ông Bế Quang H thuộc thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Văn T rủ Phan Trọng Q, Trần Xuân T, Ngô Mạnh H, Võ Thanh C đánh bài liêng được thua bằng tiền, thì tất cả đều đồng ý.

Sau đó, cả năm người sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài chia theo vòng tròn ngược chiều kim đồng hồ, mỗi người chơi được chia ba quân bài và bắt buộc mỗi người phải đặt số tiền là 10.000 đồng ra trước giữa chiếu (gọi là đặt tiền mậu), sau khi xem bài thì người chơi úp bài của mình xuống chiếu và bắt đầu tố tiền, người chia bài có quyền tố trước, những người còn lại có thể theo, không theo hoặc tố thêm tiền nữa, mỗi lần tố thêm tiền dao động từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng (không quá 2 vòng). Nếu không có người theo thì người tố tiền cuối cùng sẽ được thắng toàn bộ số tiền mà những người chơi đã bỏ ra trong ván bài đó. Cách tính bài lớn nhỏ như sau: Lớn nhất là ba quân xì (Ký hiệu bài là A), sau đó đến ba quân già (Ký hiệu bài là K), nhỏ dần đến ba quân hai (Ký hiệu bài là 2), tiếp đến là bài liêng có ba quân liên tiếp (ví dụ: 7,8,9); Ba quân tiên (ví dụ: J, J, K; Q, Q, K); tiếp theo là bài chín điểm, nhỏ dần đến 0 điểm. Cách cộng điểm như sau: Quân bài 10, J, Q, K được là tính 0 điểm; quân xì (A) tính 01 điểm và theo thứ tự tăng dần đến quân 9 là chín điểm. Nếu cộng ba quân bài vào được từ 11 đến 19 điểm hoặc từ 21 đến 29 điểm thì tính số điểm tương ứng từ 1 đến 9 điểm, nếu cộng vào được 10, 20, 30 điểm thì tính là 0 điểm. Sau khi kết thúc ván bài người thắng sẽ chia bài và tiếp tục chơi ván tiếp theo. Không quy định tiền xâu.

Đến khoảng 16 giờ 15 phút cùng ngày, C hết tiền về trước nên Đoàn Thị D thay chân C. Cả 5 người còn lại tiếp tục chơi đến khoảng 16 giờ 50 phút, thì bị Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk bắt quả tang thu tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 8.030.000đ (Trong đó Q 900.000đ, T 5.200.000đ, T 860.000đ, H 420.000đ, C 400.000đ, D 250.000đ) cùng với tang vật là 01 bộ bài tú lơ khơ bằng giấy màu xanh, 52 quân, đã qua sử dụng; 01 chiếu nhựa hoa văn màu đỏ vàng, kích thước (1,8x02)m; 01 cái chăn màu đỏ trắng, kích thước (0,96x1,08)m. Sau đó, Đoàn Thanh C đầu thú hành vi phạm tội.

Bản Cáo trạng số 26/CT – VKS – HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Phan Trọng Q về tội đánh bạc theo điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Xuân T, Ngô Mạnh H, Võ Thanh C, Đoàn Thị D về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Kết luận điều tra và nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội đánh bạc và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Trọng Q từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh C từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Ngô Mạnh H từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị D từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo Võ Thanh C, Ngô Mạnh H, Đoàn Thị D.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là 8.030.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ bằng giấy màu xanh, gồm 52 quân; 01 chiếu nhựa hoa văn màu đỏ vàng, kích thước 1,8m x 02m; 01 cái chăn màu đỏ trắng, kích thước 0,96m x 1,08m.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận gì mà xin cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và cho các bị cáo hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ để các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong khoảng thời gian từ 15 giờ 30 phút đến 16 giờ 50 phút ngày 02 tháng 01 năm 2024, tại nhà ông Bế Quang H ở thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Nguyễn Văn T cùng các bị cáo Phan Trọng Q, Trần Xuân T, Ngô Mạnh H, Võ Thanh C và Đoàn Thị D đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào liêng được thua bằng tiền. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 8.030.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội: "*Đánh bạc"*. Tội phạm, hình phạt được quy định tại Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Vì các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Xuân T, Ngô Mạnh H, Võ Thanh C và Đoàn Thị D tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 8.030.000đ. Các bị cáo phạm tội lần đầu và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật hình sự nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo Phan Trọng Q đã tái phạm, chưa được xoá án tích và nay lại tiếp tục cố ý phạm tội cho nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định như sau:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

d)Tái phạm nguy hiểm.

[3] Xét thấy hành vi của các bị cáo không những xâm hại đến trật tự công cộng mà còn xâm phạm đến trị an trong xã hội. Mặc dù các bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức được rằng việc đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay bằng hiện vật là trái với quy định của pháp luật. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, coi thường trật tự trị an trong xã hội và với mục đích tư lợi cá nhân nên ngày 02 tháng 01 năm 2024, các bị cáo đã cùng nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài cào liêng được thua bằng tiền với tổng số tiền thắng thua là 8.030.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và bị cáo Phan Trọng Q đã có tiền án về tội đánh bạc, bị cáo Võ Thanh C là người có nhân thân xấu, vì vậy đòi hỏi pháp luật phải có biện pháp trừng trị thích đáng đối với các bị cáo. Có như vậy mới đủ tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Xuân Tr, Võ Thanh C, Ngô

Mạnh H, Đoàn Thị D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo Võ Thanh C đã ra đầu thú. Bị cáo Nguyễn Văn T là người có học vấn thấp, bị cáo Ngô Mạnh H và bị cáo Đoàn Thị D là người dân tộc thiểu số nên các các bị cáo T, H, D nhận thức về pháp luật và xã hội có phần hạn chế. Gia đình bị cáo Ngô Mạnh H và bị cáo Đoàn Thị D là người có công với cách mạng (Bố mẹ bị cáo D, đồng thời là ông bà ngoại của bị cáo H được tặng H chương kháng chiến. Bố bị cáo D – Ông ngoại bị cáo H là thương binh). Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Trong vụ án có sáu bị cáo tham gia và tham gia với vai trò khác nhau, do đó cần phân hóa vai trò của từng bị cáo, trên cơ sở đó định ra cho mỗi bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ mà các bị cáo đã gây ra. Đối với bị cáo Q mặc dù bị cáo bỏ số tiền để đánh ít hơn bị cáo T nhưng lại cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo là người bị tái phạm nguy hiểm, đồng thời bị cáo là người tham gia vai trò ngang với các bị cáo khác. Bị cáo T là người bỏ ra số tiền cao nhất. Sau đó đến bị cáo T, mặt khác bị cáo T là người khởi xướng. Các bị cáo H, C bỏ ra số tiền xấp xỉ nhau. Thấp nhất là bị cáo D. Bị cáo D và bị cáo C là những người tham gia thời gian ít nhất. Vì vậy xử bị cáo Q với mức hình phạt cao nhất, đến bị cáo T, sau đó là bị cáo T, tiếp đến là bị cáo C, rồi bị cáo H, cuối cùng là bị cáo D.

[6] Tuy nhiên xét thấy tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo T, T, H, C, D gây ra là ít nghiêm trọng. Các bị cáo T, T, H, D là người có nhân thân tốt, thể hiện các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo C mặc dù có tiền sự nhưng đã được xóa. Các bị cáo T, T, H, C, D có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát cho các bị cáo T, T, H, C, D tự cải tạo ngoài đời sống xã hội dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo C, H và D.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 8.030.000đ các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 căn phòng mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là của ông Bế Quang H cho bị cáo D mượn để kinh doanh tạp hóa. Khi các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, ông H không có nhà và không biết nên không xem xét xử lý.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ, bằng giấy màu xanh, 52 quân, đã qua sử dụng; 01 chiếu nhựa hoa văn màu đỏ vàng, kích thước 1,8m x 02m; 01 chăn màu đỏ trắng,

kích thước 0,96m x 1,08m là tang vật của vụ án và xét thấy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Trọng Q, Nguyễn Văn T, Trần Xuân T, Ngô Mạnh H, Võ Thanh C và Đoàn Thị D phạm tội: "Đánh bạc".

2. Về hình phạt chính:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Trọng Q 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án

treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Thanh C 18 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024. Bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ là ngày Cơ quan thi hành án hình sự, Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Ngô Mạnh H 15 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024. Bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ là ngày Cơ quan thi hành án hình sự, Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Thị D 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ là ngày Cơ quan thi hành án hình sự, Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

4. Về khấu trừ thu nhập: Áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Võ Thanh C, Ngô Mạnh H, Đoàn Thị D.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 8.030.000đ mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ, bằng giấy màu xanh, 52 quân, đã qua

sử dụng; 01 chiếu nhựa hoa văn màu đỏ vàng, kích thước 1,8m x 02m; 01 chăn màu đỏ trắng, kích thước 0,96m x 1,08m.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận ngày 29 tháng 3 năm 2024 được lưu trong hồ sơ vụ án).

6. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện E;
- Các bị cáo;
- ....;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện E;
- UBND xã E;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG